

Phẩm Thứ 25: QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN

Phẩm này là Đương Đồ Vương kinh (là bài kinh tôn quý nhất) thời nay, người giảng rất nhiều, nay giải thích không đồng với các người khác. Riêng có ghi chép hai quyển, nay lược tóm ý đó để giải thích tựa đề. Có chung có riêng, chung có mười cặp, riêng có năm cặp. Mười cặp: Thứ nhất là Nhân Pháp cho đến cặp thứ mười là Trí Đoạn.

1. “Quán Thế Âm” là Nhân (người), “Phổ môn” là pháp. Nhân có nhiều thứ. Pháp cũng có nhiều thứ. Căn cứ vào hỏi đáp trước để luận về người Quán Thế Âm. Căn cứ vào hỏi đáp sau để luận pháp Phổ Môn. Nhân và Pháp hợp đề, cho nên nói “phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn”.

2. “Quán Thế Âm” là đại bi cứu khổ, là căn cứ vào hỏi đáp trước “trăm ngàn khổ não đều được giải thoát”. “Phổ Môn”: là đại từ ban vui, là căn cứ vào hỏi đáp sau “người đáng dùng thân gì đặng độ thoát liên hiện thân ấy mà vì đó nói pháp”.

3. “Quán Thế Âm” là trí tuệ trang nghiêm, trí năng đoạn hoặc, như khi sáng thì không có tối. “Phổ Môn”: Phước đức trang nghiêm, phước năng chuyển thọ mạng, như mưa tuôn châu báu.

4. “Quán Thế Âm”: Quán cảnh sâu xa tức Pháp thân. “Phổ Môn”: là tùy nơi ứng hiện tức Ứng thân.

5. “Quán Thế Âm”: ví như Dược Thọ vương trị khắp bệnh được khỏi. “Phổ Môn”: ví như ngọc Như ý tùy ý mong cầu mà ban cho.

6. “Quán Thế Âm”: Ngâm làm lợi lạc không còn chỗ thấy nghe, ba độc bảy nạn thấy đều xa lìa, hai cầu hai nguyện đều viên mãn. “Phổ Môn”: Hiển bày lợi ích, mắt thấy hình dáng ba mươi ba vị Thánh, tai nghe mười chín tôn giáo.

7. “Quán Thế Âm”: Tùy tự ý chiếu thật trí. “Phổ Môn”: Tùy tha ý chiếu quyền trí.

8. “Quán Thế Âm”: Bản tế bất động. “Phổ môn”: Tích tùy ý vuông tròn.

9. “Quán Thế Âm” Căn bản là Liễu nhân chủng tử. “Phổ Môn”: Căn bản là Duyên nhân chủng tử.

10. “Quán Thế Âm”: Cứu cánh là Trí đức, như ánh sáng trăng đêm mười bốn. “Phổ Môn”: Cứu cánh là Đoạn đức, như trăng đêm hai mươi chín ánh sáng sắp hết. Phần vấn đáp trong kinh văn hàm chứa vô lượng nghĩa mà lược dùng mười cặp, bắt đầu từ Nhân Pháp đến cuối cùng là Trí Đoạn giải thích chung tên phẩm, nghĩa đó như vậy.

Luận riêng có năm cặp: Quán, quán có nhiều thứ: Chiết quán,

Thế quán, Thứ đệ quán, Viên quán. Chiết quán: Diệt sắc nhập Không. Thế quán: tức sắc là Không. Thứ đệ quán: từ Chiết quán cho đến Viên quán. Viên quán: tức Chiết quán là Thật tướng, cho đến Thứ đệ quán cũng Thật tướng. Nay lược qua tam quán, chỉ luận về Viên quán. Văn nói: “Phổ môn”, quán nếu không viên môn thì không gọi là “Phổ”, tức nghĩa đây. “Thế”: Nếu căn cứ thực hành thì trước Thế sau Quán, nếu căn cứ ngôn thuyết thì trước Quán sau Thế. Nay theo thuyết thì tiện, cho nên luận Thế ở sau. “Thế”: cũng có nhiều thứ: Hữu vi thế, Vô vi thế, Nhị biên thế, Bất tư nghị thế. Hữu vi thế: là Tam giới thế, Vô vi thế: là hai loại Niết-bàn. Nhị biên thế là Sinh tử và Niết-bàn. Bất tư nghị thế: là cảnh thật tướng. Lược bỏ các Thế kia chỉ lấy chọn Bất tư nghị thế. “Âm”: là cơ vậy. Cơ cũng có nhiều thứ: Nhân thiên cơ, Nhị thừa cơ, Bồ-tát cơ, Phật cơ. Nhân thiên cơ: Các ác chớ tạo, các thiện vâng làm. Nhị thừa cơ: Chấn sợ sinh tử, vui chuộng Vô vi. Bồ-tát cơ: Trước người, sau mình từ bi nhân nhượng. Phật cơ: đối với tất cả các pháp đều dùng bình đẳng quán, hết thấy không ngăn ngại người, nhất đạo vượt sinh tử, loại bỏ căn cơ các âm khác, chỉ chọn cơ Phật âm mà thiết ứng, dùng cơ này ứng nhân duyên cho nên gọi “Quán Thế Âm”. “Phổ”: cùng khắp, các pháp vô lượng. Nếu không được cùng khắp thì là pháp thiên lệch. Nếu được khắp thì là pháp viên mãn. Cho nên kinh Tư Ích nói: “Hết thấy pháp tà, hết thấy pháp chánh”. Lược căn cứ mười pháp để nêu “Phổ”. Đạt ý này rồi thì đại khái tất cả các pháp không pháp nào không “Phổ”: Từ bi phổ, Hoàng thệ phổ, Tu hành phổ, Ly hoặc phổ, Nhập pháp môn phổ, Thần thông phổ, Thuyết pháp phổ, Phương tiện phổ, Thành tựu chúng sinh phổ, Cúng dường chư Phật phổ. Bắt đầu từ nhân thiên cho đến cuối cùng là Bồ-tát, đều có từ bi, nhưng có cơ phổ có cơ không phổ. Sinh pháp hai duyên Từ thể đã thiên, duyên gia bị không rộng, cho nên không được gọi là “Phổ”. Vô duyên cùng thật tướng thể đồng, lý kia đã viên mãn, tâm Từ không đâu không khắp?! Như đá nam châm hút sắt tự nhiên tương ứng, từ bi như thế, thấm nhuần khắp tất cả gọi là Từ bi phổ. Hoàng thệ phổ: Hoàng là rộng, thệ là mong cầu, tâm mong cầu làm ra những điều rộng rãi, gọi là hoàng thệ. Hoàng thệ dựa vào Tứ đế mà sinh khởi. Nếu căn cứ Hữu tác, Vô sinh, vô lượng Tứ đế thì pháp thu nhiếp không hết, cho nên không thể gọi là phổ. Nếu căn cứ Vô tác Tứ đế thì gọi là hoàng thệ phổ. Tu hành phổ: Ví như Phật chưa gặp Phật Định Quang Nhiên Đăng, trước đó phàm có sở tu đều không khế hợp với lý. Từ khi được thọ ký rồi thì xúc sự tức lý. Đạt lý trí thì lịch pháp mà tu hành, không hạnh nào không phổ. Đoạn

hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết trí, Đạo chủng trí để đoạn Tứ trụ Trần sa hoặc v.v... như bỏ cành lá thì không gọi là Đoạn hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn vô minh, thì ngũ trụ đều tận như bỏ gốc rễ, gọi là Đoạn hoặc phổ. Nhập pháp môn phổ: Ở địa vị Đạo tiền gọi là tu phương tiện, Đạo hậu sở nhập gọi là nhập pháp môn. Nếu Nhị thừa dùng nhất tâm nhập nhất định, nhất tâm làm một không được nhiều, lại bị định trói buộc, không gọi là phổ. Nếu trải qua từng địa cạn sâu thứ lớp sai khác, cũng không gọi là phổ. Nếu nhập Vương Tam-muội thì hết thấy Tam-muội đều nhập trong đó, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi, cho nên gọi Pháp môn phổ. Thần thông phổ: Thiên nhãn của đại La-hán chiếu khắp đại thiên, của Bích-chi-Phật chiếu hàng trăm thế giới Phật, của Bồ-tát chiếu hằng sa thế giới Phật. Tất cả đều do duyên cảnh hẹp hòi nên phát thần thông cũng thiên lệch. Nếu duyên thật tướng tu, một phát tất cả phát, thì thần thông tương tự như trên nói, hướng chỉ thần thông chân chánh mà chẳng phổ ư! Phương tiện phổ : có hai thứ: Đạo tiền phương tiện tu hành thâm nhiếp trong đó, Đạo hậu lại có hai: 1. Pháp thể, như nhập trong pháp môn nói. 2. Hóa dụng, như nay nói, phù hợp căn cơ lợi vật xứng hợp duyên nhất thời viên mãn khắp, mặc dù vận động tạo tác đủ thứ mà đối với pháp tánh thật tế không bị tổn giảm, đó gọi là Phương tiện phổ. Thuyết pháp phổ: Năng dùng một diệu âm mà xứng hợp căn cơ của chúng sinh trong mười pháp giới, tùy loại thích hợp đều khiến được giải thoát, như Tu-la đánh đàn, gọi là Thuyết pháp phổ. Thành tựu chúng sinh phổ: Tất cả sở hữu sự nghiệp thế gian và xuất thế gian đều do Bồ-tát tạo tác như đào giếng, làm thuyền, ném thuốc, mây che mát, mặt trời chiếu sáng lợi ích chúng sinh cho đến lợi ích tất cả Hiền thánh, chỉ bày dạy bảo làm lợi ích vui mừng khiến nhập Tam Bồ-đề, đó gọi là Thành tựu chúng sinh phổ. Cúng dường chư Phật phổ: Nếu tạo ngoại sự cúng dường, dùng một thời một món thức ăn một bó hoa một cây hương khắp cúng dường hết thấy chư Phật, không trước không sau nhất thời đều cúng, trong một vi trần xuất ra các thứ vi trần cũng lại như vậy. Nếu tác nội quán thì viên trí dẫn dắt các hạnh. Viên trí gọi là Phật, các hạnh giúp cho Viên trí tức cúng dường Phật. Nếu các hạnh trợ giúp trí khác, thì không gọi cúng dường phổ, các hạnh trợ giúp viên trí thì gọi là cúng dường phổ.

“Môn”: từ Giả nhập Không, Không thông mà Giả bị tắc nghẽn, từ Không nhập Giả, Giả thông mà Không bị tắc nghẽn. Thông thiên lệch thì chẳng phổ, vì bị tắc nghẽn nên không phải môn. Trung đạo thì phi Không phi Giả, chánh thông Thật tướng song chiếu Nhị đế, cho nên

gọi là “phổ”. Chánh thông, cho nên gọi là “môn”. Phổ môn viên thông nghĩa thì vô lượng. Lực nêu mười loại kia thì có thể biết. Phẩm này cũng là Phổ hiện Tam-muội hóa tha lưu thông.

Văn chia làm ba: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Nghe phẩm được lợi ích.

Hai lần hỏi đáp: Hỏi lần đầu có hai: 1. Kinh gia trình bày thời: là nói Bồ-tát Đông phương đã xong. 2. Nói thời của Bồ-tát Tây phương. Nói Đông phương sinh thiện xong. Tiếp nói thời Tây phương sinh thiện. Nói Đông phương đoạn nghi xong, tiếp nói thời Tây phương đoạn nghi. Nói Đông phương đắc đạo, tiếp nói thời (lúc) Tây phương đắc đạo.

“Vô Tận Ý”: kinh Đại phẩm nêu: “Không thì vô tận”. Kinh Đại Tập nêu “Tám mươi môn Vô tận”. Kinh Tịnh Danh nói: “Vô tận, là phi tận phi vô tận, cho nên nói vô tận”. Tổng quát thì ba kinh, dùng ba quán ba trí để giải thích “Vô tận”. “Ý” là trí, “Vô” tận là cảnh. Trí kế hợp với cảnh. Riêng theo cảnh, nên nói “Vô tận”. Riêng theo trí, nên gọi là “Ý”. Cảnh trí hợp xứng cho nên nói “Vô Tận Ý”.

Cũng có thể giải thích: 1. Ý là gốc của thế gian và xuất thế gian. 2. Ý tức pháp giới Trung đạo, cho nên nói năng quán tâm tánh gọi là thượng định. 3. Đây căn cứ tam trí tam quán mà giải thích tên.

Nêu câu hỏi, Đại kinh nói: “Đây đủ hai thứ trang nghiêm năng vấn năng đáp.” Vô Tận Ý trước dùng tuệ trang nghiêm mà hỏi: “Bồ-tát Quán Thế Âm tuệ trang nghiêm?”. Phật dùng tuệ trang nghiêm trả lời: Bồ-tát Quán Thế Âm có tuệ trang nghiêm.

Phần Phật trả lời chia làm ba: 1. Tổng đáp. 2. Biệt đáp. 3. Khuyên trì danh đáp.

Tổng đáp có bốn: 1. Số người. 2. Gặp khổ. 3. Nghe danh xưng hiệu. 4. Được giải thoát. Tự có nhiều khổ, khổ một người, nhiều người thọ một khổ, một người thọ nhiều khổ, một người thọ ít khổ. Văn đây “có trăm ngàn vạn ức chúng sinh” là nhiều người, “thọ các khổ não” là nhiều khổ. Nếu nhiều để hiển ít, nhiều mà còn có thể cứu hướng chỉ ít khổ. “Gặp khổ” là ác, “xưng danh hiệu” là thiện. Thiện ác hợp, là nghĩa “cơ”, mà được giải thoát là ứng. Đây là cơ cảm nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Cũng là Nhân Pháp nhân duyên, cho đến Trí Đoạn nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Phần sau giống như đây, tổng kết danh hiệu không phiền văn giải thích.

Biệt đáp chia làm ba: 1. Khẩu cơ ứng. 2. Ý cơ ứng. 3. Thân cơ ứng.

Khẩu lại có hai: 1. Nêu bày nạn. 2. Kết. Hỏa nạn có bốn: 1. Trì danh là thiện. 2. Gặp lửa là ác. 3. Ứng. 4. Kết.

Ở trong một nạn theo lệ chia làm ba phen: 1. Quả báo lửa: Địa

ngục trở lên Sơ thiên trở lại, đều luận về căn cơ ứng. 2. Lửa ác nghiệp: Địa ngục trở lên Phi tướng trở lại đều luận về cơ ứng. 3. Lửa phiền não: Địa ngục trở lên Đẳng giác trở lại, đều luận về cơ ứng. Bảy nạn ba độ hai câu theo lệ đều như đây. Nghĩa đây đã rộng có thể dùng ý biết, không thể ghi vắn.

Thân cơ chia làm hai: 1. Hai cầu. 2. Kết. Cầu con trai, có lập nguyện tu hành đức nghiệp. Cầu con gái, vẫn lược tu hành. Chánh nói lễ bái là đồng cho nên lược, nguyện nghiệp mỗi mỗi sai khác cho nên lại nêu ra. Kết như vắn.

Từ “Cho nên chúng sinh đều phải thọ trì” trở xuống, là Khuyên trì. Chia làm ba phần: Khuyên trì, Cách lượng, Kết tán. Trên thuật danh thù thắng, đức tốt đẹp, mà không nêu rõ hình chất. Nếu muốn qui thuận tôn kính thì phải trì danh tự, thế nên khuyên trì. Nhập Đại thừa luận nói: “Pháp thân chỉ có một, ứng sắc thân thì nhiều, phân ra sáu mươi hai ức Ứng thân đồng một Pháp thân.” Ngài Trí Giả nói: “Người Viên giáo chỉ có một, người Thiên giáo thì nhiều, phân sáu mươi hai ức Bồ-tát Thiên giáo bằng một Bồ-tát Viên giáo”.

Lần thứ hai hỏi, có ba: “Bồ-tát Quán Thế Âm dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào?” là hỏi về Thân. “Thuyết pháp cho chúng sinh như thế nào?” là hỏi về miệng. “Sức phương tiện thế nào?” là hỏi về ý! Thánh nhân đây tam mật, không có dự tính Quyền, tùy căn cơ thích ứng. Đức Phật đáp cũng có ba:

1. Biệt đáp.
2. Tổng đáp.
3. Khuyên cúng dường.

“Người đáng dùng...” là đáp: câu hỏi về Sức phương tiện, “hiện thân...” là đáp câu hỏi “dạo đi trong cõi Ta-bà”, “vì họ thuyết pháp” là đáp câu hỏi về miệng. Gồm có ba mươi ba thân, mười chín câu “vì họ thuyết pháp”.

Từ “thành tựu công đức” trở xuống, kết biệt, khai tổng. Biệt thì vắn rộng ý hẹp. Tổng đáp thì vắn hẹp ý rộng. Từ “Cho nên các ông phải” trở xuống, là khuyên cúng dường. Trong đây, thấy hình nghe pháp cho nên khuyên cúng dường. Ban đầu khuyên, tiếp là thọ ý chỉ. Thọ ý chỉ có sáu: Phụng mạng, không thọ, dâng lại, Phật khuyên, liền thọ, kết, đều như vắn. Từ “Trì Địa Bồ-tát” trở xuống, là công đức nghe phẩm này. “Vô đẳng đẳng”: tâm ở chín pháp giới thì không thể đồng lý, tâm ở Phật pháp giới thì năng đồng với lý đây, cho nên vô đẳng mà đẳng. Lại, lý cứu cánh là vô đẳng, ban đầu duyên lý cứu cánh mà phát

tâm, năng đồng với lý cho nên gọi là “vô đẳng đẳng”. Lại, tâm và lý đều bất khả đắc, đem vật gì đồng vật gì mà nói vô đẳng đẳng? Tâm và lý đều bất khả thuyết, bất khả thuyết mà thuyết, thuyết tâm này đồng lý này, cho nên nói “vô đẳng đẳng”. Giải thích ban đầu là theo chiều ngang, tiếp theo là một giải thích theo chiều dọc, tiếp theo nữa là một giải thích không phải ngang dọc...

Phẩm Thứ 26: ĐÀ LA NI

Đà-la-ni, Trung Hoa dịch Tổng trì. Tổng trì là ác không khởi, thiện không mất. Lại dịch Năng chặn Năng trì. Năng trì thiện năng chặn ác, Đây là năng chặn ác ra rìa năng trì thiện ở trong. Các kinh khai, giá không đồng. Hoặc là chuyên dùng trị bệnh như Na-đạt cư sĩ. Hoặc là chuyên hộ pháp như kinh này. Hoặc là chuyên dùng diệt tội như kinh Phương-Đẳng. Hoặc là dùng chung trị bệnh, diệt tội, hộ kinh, như kinh Thỉnh Quan Âm. Hoặc là Đại minh chú, Vô thượng minh chú, Vô đẳng đẳng minh chú, thì chẳng trị bệnh, chẳng diệt tội, chẳng hộ kinh. Nếu theo phương pháp chung thì cũng nên kiêm dùng. Nếu luận riêng, thì để được hạnh phúc cần nương kinh chớ trái lời dạy. Các sư có khi nói rằng “Chú” là tên các vua quý thần, xưng gọi tên vua kia, thì các dân quý thần vì kính chủ không dám làm trái, cho nên có thể hàng phục tất cả quỷ mị. Có khi nói “Chú” như mật hiệu trong quân trận, tướng hiệu tương ứng thì không bị trị tội, nếu không tương ứng thì bị trị tội. Nếu không thuận chú thì “đầu vỡ làm bảy phần”, nếu thuận chú thì không có lỗi lầm. Có khi nói rằng Chú là im lặng bí mật trị ác, ác tự dứt. Ví như có người hèn mọn thấp kém từ nước này trốn qua nước khác nói dối là vương tử, vua nước ấy đem công chúa gả cho. Người ấy thường giận dữ, xử sự khó khăn. Có một người sáng suốt từ nước đó đến, công chúa hỏi chuyện, người kia bảo công chúa: Nếu khi chồng giận, nên nói kệ này: “Không thân thích qua đó, lừa dối hết mọi người, thô ăn là việc thường, sao nhọc lại phải sân?”. Khi công chúa nói kệ ấy xong thì người chồng im lặng hết sân. Về sau, người chồng không còn sân nữa. Công chúa và mọi người chỉ nghe bài kệ ấy mà đều không hiểu ý. “Chú” cũng như vậy, im lặng bí mật ngăn ác, còn các việc khác không biết. Có khi nói “Chú” là mật ngữ của chư Phật như vua đòi “Tiên-đà-bà”, tất cả quần thần bên dưới không thể hiểu biết, chỉ có vị thần nào có trí tuệ mới có thể biết được. “Chú” cũng như vậy, chỉ là một pháp mà khắp có các lực, bệnh lành, tội trừ, thiện sinh, đạo hợp. Vì nghĩa này cho nên vẫn giữ nguyên bản âm, người dịch không dịch ý nơi đây. Vào đời ác hoằng truyền kinh gặp nhiều nạn phiến não khó khăn cho nên dùng chú hộ khiến cho đạo lưu thông.

Văn chia làm bốn:

1. Hỏi công đức trì kinh.
2. Đáp rất nhiều.
3. Xin dùng chú ủng hộ.

4. Nghe phẩm này được lợi ích.

Phần hỏi: như văn. Phần Đáp có cách lượng Bản. Hỏi: nhiều không? Đáp: rất nhiều, nêu ra công đức như văn. Xin được thuyết chú có năm phen. 1. Dược Vương. 2. Đông Thí. 3. Tỳ-sa-môn. 4. Trì quốc thiên vương. 5. Mười vị La-sát nữ.

Phần Dược Vương chia làm bốn: 1. Thỉnh. 2. Thuyết. 3. Tán. 4. Ấn. Dưới theo lệ có ba, như văn.

Phần mười La-sát nữ chia làm năm. 1. Liệt danh. 2. Thỉnh thuyết. 3. Tán. 4. Thệ. 5. Ấn.

“Dạ-xoa” dịch là Tiếp-tật quỷ. “La-sát”, Trung hoa dịch là quỷ ăn thịt người. Hai bộ này là Bắc phương sở lãnh. “Phú-đơn-na” là Nhiệt bệnh quỷ, Kết giá là Khởi thi quỷ, hoặc nhân hoặc Dạ-xoa đều có quỷ này. “Tỳ-đà-la” là quỷ sắc đỏ, “Kiền-đà-la” là quỷ sắc vàng, “Ô-ma-lặc” là quỷ sắc đen, “A-bạt-ma-la” là quỷ sắc xanh. Như nhánh cây A-lê rơi xuống đất dầu vỡ làm bảy phần, giết cha mẹ phá Tăng là ba nghịch tội. “Hoa ép dầu”: phong tục Ấn Độ, ép dầu thì trước giã nhỏ mè, ủ kh-iến sinh trùng rồi sau mới ép, làm như thế để chất dầu tiết ra càng béo. Vì sát hại quá nhiều trùng, nên tội này càng nặng. Nếu cân lường đối người thì tội đây cũng không nhẹ.
